

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 145/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách nhà nước năm 2027;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 802/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 199/BC-KTNS ngày 16 tháng 10 năm 2026
của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và
định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027
trên địa bàn tỉnh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027
trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,
các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện
Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 và làm cơ sở lập, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

2. Nghị quyết số 142/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này, khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của cấp có thẩm quyền, thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường;
- Các Trung tâm: Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh; Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Trang thông tin Đại biểu dân cử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2027 trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 19/10/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các xã, phường.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, biên giới.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương của kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2026 - 2030. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam; tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước gắn với sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và các xã, phường.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

5. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị với yêu cầu triệt để tiết kiệm và chống lãng phí; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác trong và ngoài nước.

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tuân thủ thêm một số nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Đối với ngân sách cấp tỉnh: Định mức phân bổ bảo đảm chi tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết (*chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030; kinh phí thực hiện các chính sách: miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện*).

b) Đối với ngân sách cấp xã

b1) Tiêu chí dân số kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng xã, phường; có ưu tiên thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

b2) Định mức phân bổ của ngân sách xã, phường được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết (*chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030; kinh phí thực hiện các chính sách: miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền; phổ cập giáo dục mầm non*

cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; hỗ trợ học sinh phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền).

b3) Căn cứ kinh phí được ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã, phường thực hiện các chính sách chưa tính trong định mức quy định tại điểm b khoản này và các chính sách, chế độ mới được ban hành sau thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b4) Trường hợp dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dự toán chi thường xuyên (*không bao gồm lĩnh vực giáo dục, đào tạo và lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*) của từng xã, phường tính theo định mức quy định tại tiết b2 điểm này thấp hơn dự toán năm 2026 (*đã tính đủ kinh phí chi ngân sách nhà nước thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định*), được ngân sách tỉnh hỗ trợ để bảo đảm không thấp hơn.

b5) Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương quy định tại Nghị quyết này chỉ sử dụng để xác định tổng dự toán chi thường xuyên năm 2027, trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm căn cứ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Định mức tính theo tiêu chí biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

a) Văn phòng Tỉnh ủy: 73 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 72 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Các Ban Đảng; Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể tỉnh: 54 triệu đồng/biên chế/năm.

d) Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: 65 triệu đồng/biên chế/năm.

e) Cơ quan quản lý nhà nước:

e1) Dưới 30 biên chế: 53 triệu đồng/biên chế/năm.

e2) Từ 30 biên chế đến 59 biên chế: 47 triệu đồng/biên chế/năm.

e3) Từ 60 biên chế trở lên: 44 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Định mức này đã bao gồm:

a) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan và các khoản chi khác phục vụ hoạt động thường xuyên của đơn vị; chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định (*không áp dụng cho Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Đảng Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh*).

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát; chi cải cách hành chính; kinh phí công tác tiếp dân; kinh phí hỗ trợ người làm công tác pháp chế.

c) Các khoản chi hoạt động của cấp ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; các khoản chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định; kinh phí mua công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động của đơn vị; kinh phí thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn thường xuyên của cán bộ, công chức theo quy định.

3. Định mức này không bao gồm:

a) Các khoản chi tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và các chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định.

b) Các khoản chi khác: Chi bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; đại hội nhiệm kỳ của các đoàn thể; kỷ niệm các ngày lễ lớn của cả nước, của tỉnh; tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; đoàn ra, đoàn vào và đối ngoại; kinh phí các Ban chỉ đạo cấp tỉnh; chi nghiệp vụ đặc thù của các ngành; chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ hoạt động công tác có giá trị trên 100 triệu đồng; chi các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

c) Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định tại các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Đảng Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp

Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2027 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên (*Nhóm 1*), đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (*Nhóm 2*): Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên (*trừ kinh phí đối với các nhiệm vụ do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu theo quy định, kinh phí thực hiện các chương trình/kế hoạch/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt*). Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp; gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (*Nhóm 3*) và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (*Nhóm 4*):

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

a1) Sự nghiệp giáo dục: Các trường Trung học phổ thông 1,7 triệu đồng/học sinh/năm; trường Trung học phổ thông Chuyên, trường Dân tộc nội trú 5,0 triệu đồng/học sinh/năm.

a2) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Các trường cao đẳng chuyên nghiệp (*Hệ cao đẳng*) 1,8 triệu đồng/học sinh/năm; các trường cao đẳng chuyên nghiệp (*Hệ trung cấp*) 1,7 triệu đồng/học sinh/năm.

Định mức trên bao gồm: Bố trí đủ tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định của các đơn vị sự nghiệp giáo dục (nhóm 3); các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp như: phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện, nước, khen thưởng; các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên phát sinh hàng năm; tập huấn nghiệp vụ; các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản, các khoản chi khác...

a3) Đối với các đơn vị thuộc nhóm Trung tâm, Trường Chính trị: Được áp dụng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với các cơ quan quản lý nhà nước có cùng quy mô biên chế.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp phát thanh, truyền hình; sự nghiệp thể dục, thể thao; sự nghiệp bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế; chi bảo đảm xã hội; chi khác: Được áp dụng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với các cơ quan quản lý nhà nước có cùng quy mô biên chế.

c) Căn cứ định mức quy định tại khoản a, khoản b Điều này, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Ngoài ra, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí: mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các chế độ chi cho con người, chế độ, chính sách, các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Các khoản chi không kết cấu trong định mức từng lĩnh vực

1. Chi phòng chống tệ nạn xã hội và đảm bảo xã hội.
2. Chi quốc phòng, an ninh: Căn cứ nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người và nhiệm vụ đặc thù để ưu tiên bố trí chi thường xuyên ngân sách tỉnh hằng năm.
3. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Chi sự nghiệp kinh tế: Phân bổ theo nhóm nhiệm vụ, đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế theo phân cấp; kinh phí công tác duy tu, bảo dưỡng đường tỉnh, quốc lộ (*bao gồm cầu có $L < 300m$*) theo mức 60 triệu đồng/km/năm; kinh phí công tác duy tu, bảo dưỡng cầu có $L \geq 300m$ theo mức 1 triệu đồng/md/năm.
5. Chi bảo vệ môi trường: Thực hiện theo chỉ tiêu Trung ương và các nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao.
6. Mức hỗ trợ và định mức phân bổ kinh phí thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế, ngân sách địa phương hỗ trợ thêm ngoài quy định của Chính phủ:
 - a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo ngân sách địa phương, hỗ trợ: 30%.
 - b) Học sinh, sinh viên, hỗ trợ: 20%.
 - c) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hỗ trợ: 20%.

7. Chi trợ giá đối với các mặt hàng chính sách theo quy định.

8. Chi khác ngân sách: Bao gồm các khoản chi hỗ trợ các đoàn đi công tác nước ngoài, tiếp khách; kinh phí khen thưởng; chi hỗ trợ cải tạo, sửa chữa tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy, khi chuyển mục đích sử dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền... căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

9. Chi trả lãi các khoản vốn vay: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

10. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: Thực hiện theo dự toán Trung ương giao và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

11. Dự phòng ngân sách cấp tỉnh: Mức bố trí tối thiểu là 2% tổng chi ngân sách cấp tỉnh, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và bội chi ngân sách. Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, mức bố trí dự phòng đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG

Điều 6. Phân vùng dân số của từng xã, phường

1. Dân số của từng xã, phường được xác định theo dữ liệu quốc gia về dân cư đến 30 tháng 9 năm 2026 do Công an tỉnh cung cấp, để tính định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách xã, phường năm 2027.

2. Phân vùng dân số: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 ngày 29/7/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 7. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí học sinh: Trường nội trú theo mức 5,0 triệu đồng/học sinh/năm; các trường còn lại theo mức 1,7 triệu đồng/học sinh/năm.

a) Định mức trên bao gồm: Bố trí đủ tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định của các đơn vị sự nghiệp giáo dục; các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp như: phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện, nước, khen thưởng; các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên phát sinh hàng năm; tập huấn nghiệp vụ; các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

b) Quỹ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản có tính chất lương được xác định trên cơ sở biên chế sự nghiệp giáo dục do Hội đồng nhân dân tỉnh

quyết định; căn cứ báo cáo lập dự toán ngân sách nhà nước của các xã, phường để xác định bảo đảm đủ chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số đối tượng do các xã, phường báo cáo lập dự toán ngân sách nhà nước:

a) Các chính sách do Trung ương ban hành, gồm: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách hỗ trợ học bổng và phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật; chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

b) Các chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, gồm: Chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và trường phổ thông công lập có học sinh bán trú; chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học; chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo của tỉnh.

Điều 8. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Định mức phân bổ theo biên chế

a) Cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 54 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Cơ quan hành chính: 53 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Chi tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương được xác định trên cơ sở: Biên chế hành chính nhà nước, cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội theo Quyết định giao của cấp có thẩm quyền; mức khoán quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp bản theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; hỗ trợ kinh phí hoạt động ở bản theo mức 05 triệu đồng/bản/năm; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, số lượng cấp ủy do các xã, phường báo cáo; căn cứ báo cáo lập dự toán ngân sách nhà nước của các xã, phường để xác định đảm bảo các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành.

3. Các xã, phường được phân bổ thêm theo tỷ lệ 10% của định mức phân bổ tại khoản 1 Điều này.

4. Căn cứ định mức quy định tại Điều này, khả năng cân đối ngân sách và phương án do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán và phân bổ ngân sách cấp mình; Ủy ban nhân dân cấp xã giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình - thông tấn, thể dục - thể thao

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- a) Vùng đặc biệt khó khăn: 28.000 đồng/người dân/năm.
- b) Vùng khó khăn: 21.600 đồng/người dân/năm.
- c) Vùng đô thị: 20.300 đồng/người dân/năm.
- d) Vùng khác còn lại: 20.800 đồng/người dân/năm.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ; công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; kinh phí thực hiện chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và giải thể thao và các nhiệm vụ sự nghiệp văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình - thông tấn, thể dục - thể thao theo phân cấp.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Hỗ trợ kinh phí quảng bá văn hóa, du lịch

a1) Các xã, phường thuộc khu trung tâm khu du lịch quốc gia Mộc Châu gồm Vân Hồ, Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên được hỗ trợ theo mức 800 triệu đồng/xã, phường.

a2) Các xã Tà Xùa, Ngọc Chiến, Quỳnh Nhai được hỗ trợ theo mức 500 triệu đồng/xã.

a3) Các xã, phường còn lại được hỗ trợ theo mức 250 triệu đồng/xã, phường.

b) Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn; kinh phí tăng thời lượng phát sóng, phát thanh - truyền hình bằng tiếng dân tộc, kinh phí nhuận bút.

b1) Các xã, phường gồm Tô Hiệu, Thuận Châu, Mai Sơn, Yên Châu, Mộc Sơn, Phù Yên, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp, Vân Hồ được hỗ trợ theo mức 600 triệu đồng/xã, phường.

b2) Các xã, phường còn lại được hỗ trợ theo mức 200 triệu đồng/xã, phường.

c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động văn nghệ quần chúng của thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Tiêu chí, định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- a) Vùng đặc biệt khó khăn: 63.400 đồng/người dân/năm.
- b) Vùng khó khăn: 49.400 đồng/người dân/năm.
- c) Vùng đô thị: 34.300 đồng/người dân/năm.
- d) Vùng khác còn lại: 34.700 đồng/người dân/năm.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số đối tượng do các xã, phường báo cáo lập dự toán ngân sách nhà nước, gồm:

- a) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội.
- b) Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.
- c) Kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy.
- d) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc.

Điều 11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Định mức phân bổ theo nhiệm vụ gồm:

- a) Kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ.
- b) Kinh phí hoạt động của tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
- c) Kinh phí khám tuyển nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo mức 500 triệu đồng/xã, phường/năm. Đối với xã biên giới được tính theo mức 700 triệu đồng/xã/năm; xã biên giới tiếp giáp với 02 huyện trở lên của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được tính theo mức 800 triệu đồng/xã/năm.

b) Kinh phí thực hiện công tác đối ngoại theo mức 250 triệu đồng/xã biên giới/năm.

3. Trong năm ngân sách, trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh - quốc phòng, đối ngoại, diễn tập khu vực phòng thủ, nhiệm vụ đảm bảo an ninh biên giới và các nhiệm vụ khác thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, đối ngoại, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã, phường theo nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 12. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- a) Vùng đặc biệt khó khăn: 10.300 đồng/người dân/năm.
- b) Vùng khó khăn: 8.500 đồng/người dân/năm.
- c) Vùng đô thị: 6.800 đồng/người dân/năm.
- d) Vùng khác còn lại: 7.100 đồng/người dân/năm.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Kinh phí dịch vụ công đô thị, nông thôn; kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phê duyệt nhiệm vụ và dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Tiêu chí, định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- a) Vùng đặc biệt khó khăn: 52.000 đồng/người dân/năm.
- b) Vùng khó khăn: 39.000 đồng/người dân/năm.
- c) Vùng đô thị: 22.000 đồng/người dân/năm.
- d) Vùng khác còn lại: 26.000 đồng/người dân/năm.

Định mức phân bổ nêu trên bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế theo phân cấp. Định mức trên chưa bao gồm: Kinh phí hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp, hỗ trợ địa phương sản xuất lúa.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- a) Phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp xã
 - a1) Phường Tô Hiệu theo mức 17.000 triệu đồng; phường Chiềng Cơi theo mức 15.000 triệu đồng; phường Chiềng An, phường Chiềng Sinh theo mức 11.000 triệu đồng.
 - a2) Phường Mộc Sơn, phường Mộc Châu, phường Thảo Nguyên, phường Vân Sơn theo mức 6.000 triệu đồng.
 - a3) Xã Thuận Châu, xã Mai Sơn, xã Yên Châu, xã Chiềng Sơn, xã Lóng Sập, xã Đoàn Kết, xã Tân Yên, xã Phù Yên, xã Bắc Yên, xã Mường La, xã Quỳnh Nhai, xã Sông Mã, xã Sốp Cộp, xã Vân Hồ theo mức 4.500 triệu đồng.
 - a4) Các xã còn lại theo mức 2.000 triệu đồng.
- b) Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới theo mức 35 triệu đồng/km.
- c) Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường đô thị theo mức 20 triệu đồng/km/năm.
- d) Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường liên xã theo mức 17 triệu đồng/km.
- đ) Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường xã theo mức 03 triệu đồng/km.

Điều 14. Định mức phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp y tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

- a) Vùng đặc biệt khó khăn: 20.000 đồng/người dân/năm.
- b) Vùng khó khăn: 18.000 đồng/người dân/năm.

c) Vùng đô thị: 15.000 đồng/người dân/năm.

d) Vùng khác còn lại: 16.000 đồng/người dân/năm.

Định mức bao gồm các khoản chi thường xuyên bảo đảm hoạt động và các khoản chi nghiệp vụ phát sinh hằng năm của Trạm Y tế xã: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc, phần mềm, công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, chi tiền công lao động và các khoản kinh phí khác để thực hiện nhiệm vụ cung cấp y tế dự phòng.

2. Định mức không bao gồm: Chi tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của Trạm Y tế.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ ngoài định mức chi khác: Phụ cấp trực; chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn; mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản; mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố; kinh phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Các xã, phường được phân bổ theo mức 100 triệu đồng/xã, phường.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Chuyển đổi số, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của từng xã, phường, gửi Sở Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Định mức phân bổ chi khác ngân sách

Phân bổ chi khác của ngân sách xã, phường theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Quy định này.

Điều 17. Dự phòng ngân sách

1. Dự phòng ngân sách của từng xã, phường là 2% tổng chi ngân sách xã, phường, không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

2. Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách xã, phường, căn cứ tình hình thực tế, các xã, phường chủ động bố trí dự phòng ngân sách đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Sinh